

Bản án số: **30/2018/HS-ST**
Ngày: 24/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lôi Liên Minh.

Bà Phạm Thị Hải Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 615/2017/TLST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

N H T, sinh năm 1994 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: tổ 1, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: không. Trình độ học vấn: lớp 7/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: nam. Tôn giáo: Thiên chúa. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông N H B (đã chết) và bà T T N, sinh năm 1965. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 02/4/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự (chưa được xóa án tích).

Tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 23/3/2009, bị Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi trộm cắp tài sản.

- Ngày 26/4/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự (Bản án tuyên khi Thêm dưới 18 tuổi).

- Ngày 15/02/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự (chấp hành xong Bản án ngày 11/9/2015);

Bị bắt quả tang ngày 19/9/2017, chuyển tạm giam theo lệnh số 554/LTG ngày 27/9/2017, của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa.

Bị cáo có mặt.

- *Người bị hại:* Ông T V H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 23, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

N H T là đối tượng sống lang thang và có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”. Khoảng 23 giờ ngày 18/9/2017, T đi bộ vào khu vực tổ 23, khu phố 3, phường T, thành phố B để trộm cắp tài sản, thì phát hiện cửa phòng trọ số 4 của anh T V H, sinh năm 1989, ngụ xã H, huyện P, tỉnh H (thuê ở trọ) khóa ngoài. T liền đi tới khu vực nghĩa trang bên cạnh Công ty cám Long Châu thuộc phường T lấy 01 chiếc kim cộng lực (T đã cất giấu trước đó), rồi quay lại phòng trọ của anh H, quan sát xung quanh không có ai, T lấy 01 chiếc móc phơi đồ ở trước cửa phòng trọ số 5, cắt làm đôi rồi buộc vào khoan cửa ngoài của phòng số 3 và số 5 (nhằm để ngăn chặn người ở trong phòng đi ra sẽ phát hiện T đang trộm cắp tài sản). T dùng kim cộng lực cắt ổ khóa của phòng trọ của anh H rồi mang kim cất giấu vào bụi cỏ gần đó, sau đó đột nhập vào trong trộm cắp tài sản. Trong lúc T đang lục tìm tài sản thì anh N T Đ, sinh năm 1976, ngụ xã Đ, huyện C, tỉnh B và anh N H L, sinh năm 1978, ngụ xã T, huyện T, tỉnh B (là những người sống chung dãy phòng trọ với anh H) đi làm về phát hiện, anh L đã gọi điện thoại báo cho anh H về phòng trọ kiểm tra thì phát hiện T đang trốn trong nhà vệ sinh nên anh H cùng anh L, Đ bắt giữ Thêm giao cho Công an phường Tam Hòa lập hồ sơ chuyển Công an thành phố Biên Hòa xử lý.

Vật chứng vụ án:

- 01 kim cộng lực bằng kim loại dài khoảng 75cm.

- 01 ổ khóa cửa hiệu Souabe Circle màu trắng bạc đã bị cắt đứt rời, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T V H.

Về dân sự: anh T V H chưa bị mất tài sản nên không yêu cầu bồi thường.

Tại cáo trạng số 06/CT/VKS-HS ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố N H T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại Điều 18; khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 18; khoản 1 Điều 138; các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo mức án tù 10 tháng đến 12 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa là thống nhất, phù hợp nhau và phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 18/9/2017, N H T đã có hành vi lén lút đột nhập vào phòng trọ của anh T V H để trộm cắp tài sản nhưng chưa kịp thực hiện thì bị bắt quả tang giao cho Công an phường Tam Hòa xử lý.

[3] Về việc áp dụng điều luật:

Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật từ ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, quy định về tội “Trộm cắp tài sản” quy định mức khởi điểm của khung hình phạt trong tội này bằng với tội danh tương ứng được quy định tại Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xét thấy, hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo trong vụ án xảy ra vào ngày 18/9/2017. Theo công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41 của Quốc Hội, hướng dẫn áp dụng như sau: Các quy định không có lợi cho người phạm tội thì không áp dụng đối với những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang điều tra, truy tố, xét xử; trong trường hợp này, vẫn áp dụng quy định tương ứng của các văn bản quy phạm pháp

luật về hình sự có hiệu lực trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 để giải quyết. Các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang điều tra, truy tố, xét xử.

Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng đồng thời quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, để giải quyết vụ án.

[4] Về tội danh:

Xét thấy, hành vi bị cáo T đã lén lút lén vào phòng trọ của anh T V H để trộm cắp tài sản nhưng không thực hiện được đến cùng thì bị phát hiện bắt quả tang. Bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nên lần phạm tội này mặc dù bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản nhưng đây là tình tiết định tội nên hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản” nhưng “phạm tội chưa đạt”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138; Điều 18; Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự, gây bất bình cho quần chúng nhân dân tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt về hành vi trộm cắp tài sản và là một thanh niên đã trưởng thành nên có đủ nhận thức để nhận biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bất chấp các qui định của pháp luật, đã thực hiện hành vi phạm tội chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật nên cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 kim cộng lực bằng kim loại dài khoảng 75cm là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 ổ khóa cửa hiệu Souabe Circle màu trắng bạc đã bị cắt đứt rời, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T V H là phù hợp.

[8] Về bồi thường dân sự: Người bị hại anh T V H chưa bị mất tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[10] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tại phiên tòa, xét thấy tương đối phù hợp với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 18; khoản 1 Điều 138; Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tuyên bố bị cáo N H T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: **N H T 06 (sáu) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2017.

Tịch thu tiêu hủy 01 kim cộng lực bằng kim loại dài khoảng 75cm (Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa).

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh
- VKSND TP. Biên Hòa
- THA Biên Hòa
- Bị cáo
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Hạnh